

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/8/2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Vũ Xuân Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2022/TLST-HN&GD ngày 17/7/2022 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7 xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh W – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 80 S, C, Q 4825, A.

Người đại diện theo ủy quyền (nộp hồ sơ, nhận văn bản tố tụng): Chị Phạm Trần Mỹ Duyên, địa chỉ: Số 168 N, phường N, quận 1, thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh W kết hôn năm 2017 tại UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2017 ngày 16/11/2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống vào khoảng từ cuối năm 2019. Vợ chồng thường sống xa nhau do tính chất công việc nên anh W thường xuyên phải ở nước ngoài. Vợ chồng không thể thông cảm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Hiện tại hai người không sinh sống cùng nhau và không còn tình cảm với nhau mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng cũng không mang

lại kết quả. Do mục đích hôn nhân không đạt nên chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh W.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống cả hai không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh W trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Nguyễn Thị N trình bày. Anh W cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do công việc của anh phải thường xuyên đi nước ngoài và việc xa nhau nhiều nên vợ chồng không thể quan tâm lẫn nhau chính vì vậy mâu thuẫn phát sinh ngày càng lớn và không thể hàn gắn được. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N và đề nghị Tòa án chấp thuận cho ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn và bị đơn đều từ chối hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh W.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Do đó, đây là quan hệ “*Ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Địa chỉ của nguyên đơn tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bị đơn hiện đang sinh sống tại Australia. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[1.3]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh W đăng ký kết hôn ngày 16/11/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn, anh chị đều thừa nhận chung sống với nhau không hòa thuận, phát sinh mâu thuẫn do tính chất công việc của anh W phải thường xuyên sinh sống ở nước ngoài nên vợ chồng thường sống xa nhau và cả hai đã sống ly thân từ lâu. Xét thấy hai vợ chồng không sống chung với nhau và tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử

xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc cho được ly hôn với anh W.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 228, Điều 477, Điều 478, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N:

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh W.

1.2. Về con chung: Không có con chung nên không đề cập giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000130 ngày 08-7-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ứng